

# Laodicea - Số Bốn

## *Lịch sử đan xen*

Jeff Pippenger

2023-09-01

Khía cạnh mà tôi đã chỉ ra—mà Stephen Haskell có lẽ đã không thấy, mặc dù qua việc công nhận những lẽ thật phơi bày điều này, ông đã gián tiếp xác nhận nó—đó là: trong giai đoạn cuối cùng của lịch sử Israel cổ đại, đồng thời cũng thấy sự khởi đầu của Israel hiện đại chồng lên cùng thời kỳ lịch sử ấy. Khi Đấng Christ đang xác nhận giao ước với nhiều người trong một tuần lễ (hai nghìn năm trăm hai mươi ngày), Israel cổ đại đang trải qua kinh nghiệm của Laodicea, ở bờ vực bị nhả ra khỏi miệng của Chúa. Đồng thời, Israel hiện đại đang trải qua kinh nghiệm của Ephesus. Laodicea của Israel cổ đại đang bị tản lạc, và Ephesus của Israel hiện đại đang được quy tụ ngay trong cùng lịch sử ấy.

Và “vâng”, nếu bạn đang thắc mắc, tôi biết rằng tuần lễ mà Đấng Christ xác nhận giao ước để ứng nghiệm Daniel chương chín, bắt đầu từ phép báp-têm của Ngài và kết thúc với sự ném đá Stephen, không phải là hai nghìn năm trăm hai mươi ngày theo nghĩa đen; nhưng theo nghĩa tiên tri thì chắc chắn là như vậy, vì theo nghĩa tiên tri một năm bằng ba trăm sáu mươi ngày. Ba trăm sáu mươi ngày nhân bảy là hai nghìn năm trăm hai mươi ngày, và “ngay chính giữa” của tuần lễ tiên tri ấy là thập tự giá. Theo nghĩa tiên tri, Đấng Christ đặt thập tự giá ngay chính giữa khoảng thời gian tiên tri hai nghìn năm trăm hai mươi ngày, qua đó cho thấy rằng “bảy lần” của Leviticus hai mươi sáu được thiết lập và duy trì bởi thập tự giá của Đấng Christ. Không phải là tình cờ khi Bà White dạy, như bà dạy rằng cả hai “bảng thánh” của Habakkuk—biểu đồ 1843 và 1850—đều có lời tiên tri hai nghìn năm trăm hai mươi năm ở ngay trung tâm của biểu đồ, và cả hai biểu đồ đều đặt thập tự giá ngay chính giữa của mình họa đó.

Kinh Thánh chứa đựng tất cả những nguyên tắc mà con người cần hiểu để được trang bị cho đời này cũng như đời hầu đến. Và mọi người đều có thể hiểu những nguyên tắc ấy. Không ai có tấm lòng biết trân trọng những lời dạy của Kinh Thánh mà lại đọc một đoạn Kinh Thánh, dù chỉ một đoạn ngắn, mà không thu nhận từ đó một tư tưởng ích lợi. Nhưng những sự dạy dỗ quý báu nhất của Kinh Thánh không thể có được chỉ bằng việc học thính thoảng hay rời rạc. Hệ thống chân lý vĩ đại của nó không được trình bày theo cách để người đọc vội vàng hay cầu thả có thể nhận ra. Nhiều kho tàng của nó nằm sâu bên dưới bề mặt và chỉ có thể đạt được bằng sự nghiên cứu siêng năng và nỗ lực không ngừng. Những lẽ thật cấu thành nên toàn thể vĩ đại ấy phải được tìm kiếm và gom góp, 'chút ít ở đây, chút ít ở kia.' Ê-sai 28:10.

Khi được tra xét và gom lại với nhau như vậy, sẽ thấy chúng ăn khớp với nhau cách hoàn hảo. Mỗi sách Phúc Âm bổ sung cho các sách khác, mỗi lời tiên tri giải thích một lời khác, mỗi lẽ thật là sự phát triển của một lẽ thật khác. Các hình bóng trong hệ thống tôn giáo Do Thái được Phúc Âm làm cho sáng tỏ. Mỗi nguyên tắc trong lời Đức Chúa Trời đều có chỗ của nó, mỗi sự kiện có mối liên hệ của nó. Và toàn bộ cấu trúc, trong thiết kế và thực hiện, làm chứng cho Tác giả của nó. Một cấu trúc như vậy thì không một tâm trí nào, ngoài tâm trí của Đấng Vô Hạn, có thể nghĩ ra hay tạo dựng được. Giáo dục, 123.

Bên cạnh nguyên tắc cho rằng mỗi trong bảy hội thánh đều được tái hiện trong lịch sử phong trào Miller và cả trong lịch sử của chúng ta, còn có một nguyên tắc quan trọng khác mà phong trào Cơ Đốc Phục Lâm buổi đầu đã thừa nhận. Nguyên tắc đó cho thấy rằng các dòng tiên tri “nội bộ và bên ngoài” của cùng một lịch sử được Đức Thánh Linh sử dụng để truyền đạt lẽ thật. Miller đã nhận ra điều này và trực tiếp dạy về nó. Ông dạy đúng rằng bảy ấn trong Sách Khải Huyền tượng trưng cho một lịch sử song song với các hội thánh; nhưng trong minh họa song song đó, các ấn đại diện cho lẽ thật bên ngoài, còn các hội thánh là lẽ thật nội bộ của cùng một lịch sử. Uriah Smith cũng bàn đến nguyên tắc này và dùng các từ “nội bộ” và “bên ngoài”, điều mà theo tôi là cách tốt nhất để diễn đạt hai dòng song song.

Các ấn được giới thiệu cho chúng ta trong các chương 4, 5 và 6 của Sách Khải Huyền. Những cảnh tượng được trình bày dưới các ấn này được bày tỏ trong Khải Huyền chương 6 và câu thứ nhất của Khải Huyền chương 8. Rõ ràng chúng bao quát những sự kiện mà Hội Thánh có liên hệ từ khi mở đầu thời kỳ này cho đến sự đến của Đấng Christ.

"Trong khi bảy Hội Thánh trình bày lịch sử nội bộ của Hội Thánh, thì bảy ấn cho thấy những biến cố trọng đại trong lịch sử bên ngoài của nó." Uriah Smith, The Biblical Institute, 253.

Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu xem xét bảy hội thánh. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng hai hội thánh đầu tiên, và rồi hội thánh thứ ba và thứ tư, có mối quan hệ “nhân - quả” khiến cần phải được xem xét cùng nhau. Smyrna là hội thánh đại diện cho những người bị Rome bách hại, và Ephesus là hội thánh đã đem phúc âm đến khắp thế giới.

Chính tại Antioch, các môn đồ lần đầu tiên được gọi là Cơ Đốc nhân. Tên gọi ấy được đặt cho họ vì Đấng Christ là chủ đề chính trong sự rao giảng, sự dạy dỗ và các cuộc trò chuyện của họ. Họ liên tục kể lại những sự việc đã xảy ra trong những ngày chức vụ trên đất của Ngài, khi các môn đồ của Ngài được phước vì có sự hiện diện trực tiếp của Ngài. Họ không mệt mỏi nói về những lời dạy dỗ và các phép lạ chữa lành của Ngài. Với đôi môi run rẩy và đôi mắt đẫm lệ, họ nói về nỗi thống khổ của Ngài trong vườn, việc Ngài bị phản bội, bị xét xử và bị hành hình; về lòng nhẫn nại và khiêm nhu của Ngài khi chịu đựng sự lăng mạ và tra tấn mà kẻ thù giáng trên Ngài; và về lòng thương xót như Đức Chúa Trời, với lòng ấy Ngài đã cầu nguyện cho những kẻ bắt bớ Ngài. Sự sống lại và thăng thiên của Ngài, cùng công tác của Ngài trên trời như Đấng Trung Bảo cho loài người sa ngã, là những đề tài mà họ vui mừng thường xuyên nhắc đến. Thật phải lẩm cẩm khi dân ngoại gọi họ là Cơ Đốc nhân, vì họ rao giảng về Đấng Christ và dâng lời cầu nguyện lên Đức Chúa Trời nhờ Ngài.

Chính Đức Chúa Trời đã ban cho họ danh xưng Cơ Đốc nhân. Đây là một danh xưng vương giả, được ban cho tất cả những ai liên hiệp với Đấng Christ. Chính về danh ấy mà Gia-cơ sau này đã viết: “Há những người giàu không áp bức anh em và lôi anh em ra trước các tòa án sao? Há chẳng phải họ phạm thượng đến Danh tôn quý là Danh mà anh em được gọi đến sao?” Gia-cơ 2:6, 7. Và Phi-e-rơ đã tuyên bố: “Nếu ai chịu khổ vì là Cơ Đốc nhân, thì đừng hổ thẹn; nhưng hãy vì việc ấy mà tôn vinh Đức Chúa Trời.” “Nếu anh em bị sỉ nhục vì Danh của Đấng Christ, thì phước cho anh em; vì Thần vinh hiển, tức là Thần của Đức Chúa Trời, đang ngự trên anh em.” 1 Phi-e-rơ 4:16, 14.” Công vụ các sứ đồ, 157.

Hội thánh Ê-phê-sô đại diện cho hội thánh thời kỳ đầu đã sống "đạo đức trong Đấng Christ Giê-xu", điều này là một "nguyên nhân" luôn tạo ra một "kết quả".

Đúng vậy, hết thảy những ai muốn sống tin kính trong Đấng Christ Giê-su đều sẽ bị bắt bớ. 2 Ti-mô-thê 3:12.

Lòng tin kính của Hội thánh Ê-phê-sô đã dẫn đến sự bắt bớ được đại diện bởi Hội thánh Smyrna. Hai hội thánh này biểu thị mối quan hệ nhân quả, và hệ quả đòi hỏi phải có nguyên nhân đi trước. Sự bắt bớ trong cuộc khủng hoảng luật ngày Chủ nhật được khởi xướng bởi một sự bày tỏ của điều mà Bà White gọi là "lòng tin kính nguyên thủy." Lòng tin kính ấy đã được minh họa trong các lịch sử thời ban sơ.

Mặc dù sự suy thoái rộng khắp của đức tin và lòng mộ đạo, vẫn có những người thật sự theo Đấng Christ trong các hội thánh này. Trước khi các án phạt cuối cùng của Đức Chúa Trời giáng trên đất, giữa dân sự của Chúa sẽ có một cuộc phục hưng sự tin kính nguyên thủy chưa từng được chứng kiến kể từ thời các sứ đồ. Thần Linh và quyền năng của Đức Chúa Trời sẽ được đổ ra trên con cái Ngài. Lúc bấy giờ, nhiều người sẽ tách mình khỏi những hội thánh mà trong đó tình yêu đối với thế gian đã thay thế tình yêu đối với Đức Chúa Trời và Lời Ngài. Nhiều người, cả mục sư lẫn tín hữu, sẽ vui lòng tiếp nhận những lễ thật lớn lao mà Đức Chúa Trời đã khiến được rao truyền trong thời điểm này để chuẩn bị một dân cho sự tái lâm của Chúa. Kẻ thù của linh hồn muốn cản trở công việc này; và trước khi thời điểm cho một phong trào như vậy đến, hấn sẽ cố gắng ngăn chặn bằng cách đưa vào một thứ giả mạo. Trong những hội thánh mà hấn có thể đặt dưới quyền lực lừa dối của mình, hấn sẽ làm cho có vẻ như phước lành đặc biệt của Đức Chúa Trời đang được đổ ra; sẽ xuất hiện điều được cho là một sự nhiệt thành tôn giáo lớn lao. Vô số người sẽ hân hoan rằng Đức Chúa Trời đang làm những việc lạ lùng cho họ, trong khi công việc ấy là của một linh khác. Dưới vỏ bọc tôn giáo, Sa-tan sẽ tìm cách mở rộng ảnh hưởng của hấn trên thế giới Cơ Đốc. Đại Tranh Chiến, 464.

Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm của "những ngày sau rốt" là sự phục hưng của "lòng tin kính nguyên thủy" được xác định trong đoạn văn. Đó là một cuộc phục hưng diễn ra trong một phong trào, không phải trong một hội thánh. Lịch sử mà Bà White dùng để mô tả cuộc phục hưng ấy là lịch sử của "thời các sứ đồ", được đại diện bởi hội thánh Ê-phê-sô. Cuộc phục hưng ấy sẽ dẫn đến "sự bắt bớ".

Nhiều người sẽ bị bỏ tù, nhiều người sẽ chạy trốn khỏi các thành phố và thị trấn để bảo toàn mạng sống, và nhiều người sẽ trở nên những người từ đạo vì có Đấng Christ khi đứng lên bênh vực lẽ thật. Selected Messages, quyển 3, 397.

"đời sống của Đấng Christ trên trần gian" trong đoạn tiếp theo đại diện cho sự khởi đầu của Hội thánh Ê-phê-sô, nhưng đồng thời cũng tiêu biểu cho lịch sử của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê vào thời kỳ cuối cùng của thế giới.

"SỰ XÉT ĐOÁN BỊ ĐẦY LÙI, VÀ SỰ CÔNG BÌNH ĐỨNG XA; VÌ LẼ THẬT VẤP NGÃ NGOÀI ĐƯỜNG, VÀ SỰ NGAY THẲNG KHÔNG THỂ VÀO. PHẢI, LẼ THẬT ĐÃ MÁT; AI LIA BỎ ĐIỀU ÁC THÌ TỰ LÀM MÌNH THÀNH MỒI.' Ê-sai 59:14, 15. Điều này đã được ứng nghiệm trong đời sống của Đấng Christ trên đất. Ngài trung thành với các điều răn của Đức Chúa Trời, gạt bỏ những truyền thống và những đòi hỏi của

loài người đã được tôn cao thay vào chỗ của chúng. Vì điều đó, Ngài bị ghét bỏ và bắt bớ. Lịch sử này được lập lại." Bài Học Từ Các Dụ Ngôn Của Đấng Christ, 170.

Kinh nghiệm mà Ê-phê-sô đại diện diễn ra đồng thời với kinh nghiệm của La-ô-đi-xê. Những người Do Thái hay bất bẽ là những La-ô-đi-xê của Y-sơ-ra-ên cổ đại, và Đấng Christ cùng các môn đồ của Ngài là những Ê-phê-sô của Y-sơ-ra-ên hiện đại. Giảng Báp-tít đã giới thiệu hội thánh Ê-phê-sô, và ông đại diện cho hội thánh trong "những ngày sau rốt" bị những người La-ô-đi-xê chống đối, những kẻ tự xưng là người Do Thái, nhưng không phải.

Công việc của Giảng Báp-tít và công việc của những người trong những ngày sau rốt đi ra trong linh và quyền năng của Ê-li để đánh thức dân khỏi sự thờ ơ của họ, về nhiều phương diện là giống nhau. Công việc của ông là kêu mầu cho công việc phải được thực hiện trong thời đại này. Đấng Christ sẽ đến lần thứ hai để xét đoán thế gian trong sự công bình. Các sứ giả của Đức Chúa Trời, những người mang sứ điệp cảnh cáo sau cùng để ban cho thế gian, phải dọn đường cho lần tái lâm của Đấng Christ, như Giảng đã dọn đường cho lần đến thứ nhất của Ngài. Trong công tác chuẩn bị này, "mọi thung lũng sẽ được nâng lên, mọi núi sẽ bị hạ xuống; đường quanh co sẽ được làm ngay thẳng, và chỗ gồ ghề sẽ được san bằng" vì lịch sử sẽ được lập lại, và một lần nữa, "vinh hiển của Chúa sẽ được bày tỏ, và mọi người sẽ cùng thấy; vì miệng của Chúa đã phán vậy." Southern Watchman, ngày 21 tháng 3, 1905.

Ephesus là "nguyên nhân" và Smyrna là "hệ quả." Pergamos và Thyatira cũng đại diện cho một mối quan hệ nhân-quả. Pergamos là hội thánh thỏa hiệp, đã làm bại hoại Cơ Đốc giáo bằng cách pha trộn nó với ngoại giáo. Hội thánh Cơ Đốc đã suy đồi khi chấp nhận quan niệm rằng sự thờ hình tượng của ngoại giáo có thể cùng tồn tại ngay trong lòng mình. Hoàng đế Constantine là biểu tượng của lịch sử thỏa hiệp ấy, và vai trò mang tính tiên tri của ông là gây nên sự bội đạo của Cơ Đốc giáo chân chính trước khi quyền giáo hoàng được bày tỏ.

Chớ để ai bằng bất cứ cách nào lừa dối anh em; vì ngày ấy sẽ không đến, nếu trước hết không có sự bội đạo, và người tội ác—con của sự hư mất—được bày tỏ; kẻ chống đối và tự tôn mình lên trên mọi điều được gọi là thần, hoặc bất cứ điều gì được thờ phượng; đến nỗi hấn ngòi trong đền thờ của Đức Chúa Trời như thể là Đức Chúa Trời, tự tỏ ra rằng hấn là Đức Chúa Trời. Anh em không nhớ rằng, khi tôi còn ở với anh em, tôi đã nói những điều này sao? Và bây giờ anh em biết điều đang cản trở, để hấn chỉ được bày tỏ đúng thời của mình. Vì mầu nhiệm của tội ác đã hoạt động rồi; chỉ có người đang cản trở bây giờ sẽ còn cản trở, cho đến khi người ấy được dời đi. Bây giờ kẻ gian ác ấy sẽ được bày tỏ, kẻ mà Chúa sẽ tiêu diệt bằng hơi thở từ miệng Ngài, và sẽ hủy diệt bằng sự chói sáng khi Ngài đến. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3-8.

Hội thánh Pergamos là "nguyên nhân" còn Thyatira là "kết quả." Nhà tiên tri Đa-ni-ên thường trình bày lịch sử về việc ngoại giáo nhường chỗ cho chủ nghĩa giáo hoàng, và sự bội đạo đi trước sự thiết lập chế độ giáo hoàng mà Phao-lô đã chỉ ra được đề cập trong Đa-ni-ên đoạn 11.

Vì các tàu thuyền của Chittim sẽ đến nghịch cùng người; bởi vậy người sẽ bị nao núng, trở lui, và nổi giận nghịch cùng giao ước thánh; người sẽ làm như thế; người lại trở về và thông đồng với những kẻ bỏ giao ước thánh. Binh lực sẽ đứng về phía người, và họ sẽ làm ô uế đền thánh kiên cố, dẹp bỏ của lễ hằng ngày, và lập nên sự góm ghiếc gây ra sự hoang tàn. Đa-ni-ên 11:30-31.

Hội thánh thỏa hiệp, vốn đã bội đạo trước khi quyền lực giáo hoàng xuất hiện trong lịch sử, được Đa-ni-ên mô tả là “những kẻ” đã bỏ “giao ước thánh.” Sau khi họ bỏ giao ước, thì chế độ giáo hoàng, được Đa-ni-ên gọi là “sự góm ghuếc gây nên sự hoang tàn,” đã được đặt lên ngai thống trị trên thế gian. Bà White xác định sáu câu cuối của Đa-ni-ên đoạn mười một khi bà nói: “lời tiên tri trong Đa-ni-ên đoạn mười một đã gần đạt đến sự ứng nghiệm trọn vẹn.” Sáu câu cuối là sự ứng nghiệm cuối cùng của Đa-ni-ên đoạn mười một, và bà dạy rằng lịch sử được trình bày trong những câu cuối ấy đã được làm kiểu mẫu trong Đa-ni-ên 11:30-36, đoạn này nêu rõ “nhân quả” lịch sử được biểu trưng bởi Pergamos và Thyatira.

Chúng ta không còn thời gian để mất. Những thời kỳ rồi ren đang ở trước mắt chúng ta. Thế giới đang bị khuấy động bởi tinh thần chiến tranh. Chẳng bao lâu nữa, những cảnh khốn khó được nói đến trong những lời tiên tri sẽ xảy ra. Lời tiên tri trong đoạn mười một của sách Đa-ni-ên hầu như đã được ứng nghiệm trọn vẹn. Phần lớn những biến cố lịch sử đã xảy ra để ứng nghiệm lời tiên tri này sẽ lặp lại.

Trong câu thứ ba mươi, có nói đến một quyền năng rằng 'các câu 30 đến 36 được trích dẫn.'

"Những cảnh tượng tương tự như những gì được mô tả trong những lời này sẽ diễn ra." Các Bản Thảo Được Phát Hành, số 13, 394.

Mối quan hệ nhân quả giữa Bệ-găm và Thi-a-ti-rơ, cũng như mối quan hệ nhân quả giữa Ê-phê-sô và Si-mi-êc-nơ, sẽ được tái diễn trong “những ngày sau rốt.” Những người Tin Lành tại Hoa Kỳ sẽ thỏa hiệp với sự thờ hình tượng, như được tiêu biểu bởi Bệ-găm (dấu hiệu tiêu biểu nhất của sự thờ hình tượng là sự thờ phượng mặt trời), và khi họ bội đạo thì con đường sẽ được chuẩn bị cho con người tội ác một lần nữa được tỏ ra theo lời tiên tri. Trong khi sự bội đạo và việc đưa chức giáo hoàng lên ngai được lặp lại, Đức Chúa Trời đồng thời sẽ dựng nên một hội thánh được tiêu biểu bởi Ê-phê-sô để mang sứ điệp của Đa-ni-ên và Khải Huyền đến với thế giới, và sự bắt bớ được tiêu biểu bởi Si-mi-êc-nơ sẽ được lặp lại.

Tôi sẽ bàn đến ba hội thánh cuối cùng sau khi chúng ta xem xét chân lý rằng bốn ấn đầu tiên của sách Khải Huyền là một dòng chân lý bên ngoài chạy song song với dòng chân lý bên trong được đại diện bởi bốn hội thánh đầu tiên. Như đã lưu ý, Uriah Smith trình bày như sau:

"Trong khi bảy Hội Thánh trình bày lịch sử nội bộ của Hội Thánh, thì bảy ấn cho thấy những biến cố trọng đại trong lịch sử bên ngoài của nó." Uriah Smith, The Biblical Institute, 253.

Chúng tôi đã cho thấy rằng bốn Hội Thánh đầu tiên biểu thị hai mối quan hệ “nhân-quả” được lặp lại trong “những ngày sau rốt”. Dựa trên những người tiên phong của phong trào Phục Lâm, nhưng quan trọng hơn là trên thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời, bốn lịch sử nội bộ của Hội Thánh ấy phải có một lịch sử đối ứng bên ngoài được đại diện bởi bốn ấn đầu tiên. Hai ấn thứ nhất và thứ hai phản ánh những đặc điểm giống như của Ephesus và Smyrna, nhưng dùng một con ngựa trắng để tượng trưng cho công việc đưa Cơ Đốc giáo ra thế giới. Nó đại diện cho công tác bên ngoài của Hội Thánh, và ấn thứ hai đại diện cho cuộc bách hại đẫm máu ở Smyrna với một con ngựa đỏ.

Tôi thấy khi Chiên Con mở một trong các ấn, và tôi nghe như tiếng sấm, một trong bốn sinh vật nói: “Hãy đến và xem.” Tôi nhìn, kìa, một con ngựa trắng; người cưỡi nó cầm một cây

cung; một mào triều thiên đã được ban cho người; và người đi ra chinh phục, để chinh phục. Khi Ngài mở ấn thứ hai, tôi nghe sinh vật thứ hai nói: “Hãy đến và xem.” Và một con ngựa khác, màu đỏ, đi ra; quyền được ban cho người cưỡi nó để cất sự bình an khỏi đất, để người ta giết hại lẫn nhau; và người ấy được ban cho một thanh gươm lớn. Khải Huyền 6:1-4.

Sách Xa-cha-ri có một vài đoạn trực tiếp nhận diện bốn con ngựa xuất hiện trong bốn ấn đầu tiên của sách Khải Huyền. Trong một trong những đoạn ấy, ở chương mười, Xa-cha-ri nói rằng khi "mưa cuối mùa" được đổ xuống, "bầy chiên của Giu-đa", tức là "nhà" của Đức Chúa Trời, sẽ được biến thành "con ngựa tốt đẹp của Ngài trong chiến trận."

Hãy xin Đức Giê-hô-va ban mưa trong thời mưa cuối mùa; rồi Đức Giê-hô-va sẽ làm mây chớp và ban những cơn mưa rào, cho mọi người đều có cỏ trên đồng. Vì các tượng thần đã nói điều hư không, các thầy bói đã thấy điều dối trá và đã kể những giấc mơ giả; họ an ủi cách vô ích. Bởi vậy, họ đi lang thang như bầy chiên, bị khốn khổ vì không có người chăn. Con giận Ta đã bùng lên nghịch cùng các kẻ chăn, và Ta đã phạt những con dê đực; vì Đức Giê-hô-va vạn quân đã thăm viếng bầy chiên của Ngài là nhà Giu-đa, và khiến họ như con ngựa tốt đẹp của Ngài trong chiến trận. Xa-cha-ri 10:1-3.

Ellen White nhiều lần khẳng định rằng sự tuôn đổ của Đức Thánh Linh tại Lễ Ngũ Tuần tiêu biểu cho mưa cuối mùa hiện đang được đổ xuống. Công việc được thực hiện cho thế gian tại Lễ Ngũ Tuần được biểu trưng bởi hội thánh Ê-phê-sô, và Ê-phê-sô dẫn đến cuộc bắt bớ được biểu trưng bởi Smirna, mà Giăng mô tả là "con ngựa đỏ" của ấn thứ hai. Hai ấn đầu tiên song hành với hai hội thánh đầu tiên và chúng minh họa "những ngày sau rốt," khi mưa cuối mùa đang được đổ xuống.

Thần Linh của Lời Tiên Tri cũng chọn cả phần kết thúc của ấn thứ ba lẫn phần khởi đầu của ấn thứ tư, qua đó liên kết chúng lại với nhau (quan hệ nhân quả), và bằng cách đó, bà đặt lịch sử được biểu thị là hiện hữu trong thời của bà và trong "những ngày sau rốt".

"Ngày nay người ta vẫn thấy cùng một tinh thần như điều được mô tả trong Khải Huyền 6:6-8. Lịch sử sẽ lặp lại. Điều đã có rồi sẽ lại có." Manuscript Releases, tập 9, 7.

Trong tiểu sử cá nhân của Bà White (viết năm 1898), tinh thần thỏa hiệp chuẩn bị con đường cho chế độ giáo hoàng lại một lần nữa lên ngôi đã hiện hữu và hoạt động mạnh mẽ, vì sự bội đạo của phong trào Tin Lành, vốn khởi đầu từ việc khước từ sứ điệp của thiên sứ thứ nhất vào mùa xuân năm 1844, đã (từ năm 1863) bắt đầu xâm lấn vào chiếc sừng của Phục Lâm Tin Lành.

Sự thỏa hiệp của Bệ-gam được biểu tượng như một “cặp” cân trong ấn thứ ba. Hai loại cân đo tượng trưng cho sự đo lường gian dối. Ấn thứ ba dẫn đến ấn thứ tư, được biểu thị bởi một “con ngựa nhọt nhọt” của “sự chết”, qua đó tượng trưng cho việc giáo quyền La Mã sát hại hàng triệu người trong Thời Kỳ Tăm Tối. “Âm phủ” theo sau con ngựa nhọt nhọt của giáo quyền. Lịch sử của ấn thứ ba và thứ tư song song với lịch sử của các hội thánh Bệ-gam và Thi-a-ti-ra. Sự thỏa hiệp của Constantine là một tiến trình từng bước; vì thế, tinh thần thỏa hiệp đã hoạt động trong lịch sử cá nhân của Bà White, cũng như vào thời Phao-lô khi ông nói “sự mâu nhiệm của gian ác đã bắt đầu hoạt động.” Sự bội đạo đi trước việc tôn lập giáo quyền luôn là một lịch sử tiến triển, và “lịch sử sẽ được lặp lại. Điều đã có sẽ lại có nữa.”

Và tôi nghe một tiếng ở giữa bốn sinh vật nói: Một đấu lúa mì giá một đồng xu, và ba đấu lúa mạch giá một đồng xu; chớ làm hại dầu và rượu. Khi Ngài mở ấn thứ tư, tôi nghe tiếng của sinh vật thứ tư nói: Hãy đến mà xem. Tôi nhìn, kia, một con ngựa màu tái; kẻ ngồi trên nó tên là Sự Chết, và Âm phủ theo sau hắn. Quyền đã được ban cho họ trên một phần tư trái đất, để giết bằng gươm, bằng đói kém, bằng dịch bệnh, và bởi các thú rừng trên đất. Khải Huyền 6:6-8.

James White đã chỉ ra một dị thường mang tính tiên tri khác trong bảy hội thánh và bảy ấn. Ông chỉ ra một sự phân biệt có chủ ý giữa bốn hội thánh đầu tiên và ba hội thánh cuối cùng, và rồi lại thấy cùng hiện tượng đó trong bốn ấn đầu tiên và ba ấn cuối cùng.

"Chúng ta nay đã khảo sát các hội thánh, các ấn, và các con thú, hay các sinh vật sống, trong phạm vi chúng có thể được so sánh là cùng bao trùm những giai đoạn thời gian như nhau. Các ấn thì có bảy, còn các con thú chỉ có bốn. Và cũng nên lưu ý rằng, khi mở ấn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư, người ta nghe con thú thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư nói: 'Hãy đến và xem'; nhưng khi ấn thứ năm, thứ sáu và thứ bảy được mở ra thì không nghe tiếng như vậy. Ba hội thánh sau cùng và ba ấn sau cùng cũng không so khớp, xét như cùng bao trùm các thời kỳ giống nhau, như bốn hội thánh đầu và bốn ấn đầu thì có. Nhưng, như chúng tôi đã chỉ ra, các hội thánh, các ấn và các con thú quả thực phù hợp với nhau, khi xem là cùng bao trùm những giai đoạn thời gian giống nhau trong gần 1800 năm, cho đến khi còn cách thời hiện tại chỉ hơn nửa thế kỷ." James White, Review and Herald, ngày 12 tháng 2 năm 1857.

James White đã không nêu ra rằng cùng một khuôn mẫu cũng tồn tại trong các tiếng kèn, nhưng thực ra là có. Bốn tiếng kèn đầu là các tiếng kèn, còn ba tiếng kèn cuối là ba tai họa. Bốn tiếng kèn đầu tượng trưng cho sự phán xét của Đức Chúa Trời trên La Mã ngoại giáo vì luật Chủ nhật của Constantine vào năm 321, và ba tai họa của kèn tượng trưng cho Hồi giáo. Hai tai họa đầu tiên là những sự phán xét chống lại La Mã giáo hoàng vì luật Chủ nhật mà La Mã giáo hoàng đã ban hành vào năm 538, và tai họa thứ ba là cho cuộc khủng hoảng luật Chủ nhật sẽ đến trong tương lai rất gần.

Joseph Bates vận dụng cách hiểu của những người tiên phong về ba hội thánh cuối cùng như một biểu tượng duy nhất để mô tả ba hội thánh đương thời trong thời kỳ Millerite. Toàn bộ phần nhấn mạnh trong đoạn văn đều do Bates thêm vào.

‘Trong khắp đất, Đức Chúa phán: HAI PHẦN ở đó sẽ bị trừ bỏ và sẽ chết; nhưng PHẦN THỨ BA sẽ được để lại ở đó. Đức Chúa Trời phán rằng Ngài sẽ đưa PHẦN THỨ BA đi qua lửa và tinh luyện họ. Họ sẽ kêu cầu Ngài, và Ngài sẽ nghe họ. Ngài sẽ phán: “ÁY LÀ DÂN TA”; và họ sẽ nói: “CHÚA LÀ ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA CHÚNG TÔI.” Phần thứ nhất, SARDIS, hội thánh chỉ trên danh nghĩa hoặc Ba-by-lôn. Phần thứ hai, Laodicea, Cơ Đốc Phục Lâm chỉ trên danh nghĩa. Phần thứ ba, Philadelphia, hội thánh chân thật duy nhất của Đức Chúa Trời trên đất, vì họ sẽ được đưa vào thành của Đức Chúa Trời. Khải Huyền 3:12; Hê-bơ-rơ 12:22-24. Nhân danh Đức Chúa Jêsus, tôi lại khuyên anh em hãy chạy trốn khỏi những người Laodicea, như khỏi Sô-đôm và Gô-mô-rơ. Giáo lý của họ là giả dối và mê hoặc; và dẫn đến sự hủy diệt hoàn toàn. Chết! CHẾT!!\* CHẾT ĐỒI ĐỒI!!! đang theo sát họ. Hãy nhớ vợ của Lót.’ Joseph Bates, Review and Herald, tập 1, tháng 11 năm 1850.

Trong lịch sử Millerite, Sardis là hội thánh có danh là sống, nhưng thực ra đã chết.

Và hãy viết cho thiên sứ của hội thánh tại Sardis: Đây là lời của Đấng có bảy Thần của Đức Chúa Trời và bảy ngôi sao: Ta biết công việc của ngươi, rằng ngươi có danh là sống, nhưng lại chết. Khải Huyền 3:1.

Dân sự của Đức Chúa Trời luôn có một danh xưng. Danh xưng trong thời kỳ từ Ê-phê-sô đến Bết-gâm là Cơ Đốc nhân. Trong thời kỳ giáo hoàng cai trị, danh xưng là hội thánh trong đồng vắng. Kể từ khi “sao mai” là John Wycliffe xuất hiện, danh xưng là Kháng Cách. Đến thời kỳ cuối cùng năm 1798, những người Kháng Cách đã bắt đầu quay trở lại với giáo hội Rô-ma. Khi ấy, điều duy nhất còn thiếu là một phép thử để bày tỏ rằng, mặc dù mang danh xưng như họ tuyên xưng, họ không còn là hội thánh được chọn nữa. Vào mùa xuân năm 1844, họ đã gặp phép thử cho thấy họ không còn là hội thánh mang danh giao ước của Đấng Christ. Câu chuyện về Ê-li cung cấp một lời chứng thứ hai rất chi tiết cho thực tế này. Khi họ bộc lộ bản chất thật của mình, ban đầu những người theo Miller khó mà nhận ra rằng những người Kháng Cách đã cho thấy rằng họ đã trở thành các con gái của Ba-by-lôn. Nhưng cuối cùng những người theo Miller đã làm chính điều đó, và bắt đầu kêu gọi các linh hồn ra khỏi những hội thánh sa ngã ấy để ứng nghiệm sứ điệp của thiên sứ thứ hai. Sau đó có một tiến trình thử luyện khiến những người theo Miller bộc lộ chính bản chất của họ. Họ là người Phi-la-đen-phi hay Lao-đi-xê?

Những tín hữu Philadelphia đã theo Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh, còn những người Millerite từ chối làm như vậy thì bày tỏ bản chất của Laodicea. Vì thế, chúng ta thấy cơ sở cho cách Bates xác định ba hội thánh là cùng thời trong cùng một giai đoạn lịch sử. Lịch sử ấy đã được ứng nghiệm trong cấu trúc tiên tri của dụ ngôn mười trinh nữ, mà theo sự linh hứng, đã và sẽ được ứng nghiệm đúng từng chữ.

Dụ ngôn mười trinh nữ trong Ma-thi-ơ 25 cũng minh họa kinh nghiệm của dân sự Phục Lâm. Cuộc Đại Tranh Chiến, 393.

Tôi thường được nhắc đến dụ ngôn mười trinh nữ, trong đó năm người khôn ngoan, và năm người dại. Dụ ngôn này đã và sẽ được ứng nghiệm đúng từng chữ, vì nó có sự áp dụng đặc biệt cho thời kỳ này, và, cũng như sứ điệp của thiên sứ thứ ba, đã được ứng nghiệm và sẽ tiếp tục là lẽ thật hiện tại cho đến lúc thời gian chấm dứt. Review and Herald, ngày 19 tháng 8 năm 1890.

Ba hội thánh cuối cùng biểu tượng cho: những người ở ngoài phong trào Millerite được tượng trưng bằng Sardis, còn những người ở trong phong trào thì được tượng trưng bằng Philadelphia hoặc Laodicea. Ba hội thánh ấy được nêu trong sách Khải Huyền chương 3, còn bốn hội thánh đầu tiên ở chương 2. Vì vậy, khi Bà White nhắc đến lịch sử trong chương 3 sách Khải Huyền, bà đang nói đến chính những hội thánh mà Joseph Bates vừa nêu.

"Ôi, thật là một lời mô tả! Biết bao người đang ở trong tình trạng đáng sợ này. Tôi tha thiết nài xin mọi mục sư hãy siêng năng nghiên cứu chương thứ ba của sách Khải Huyền, vì trong đó mô tả tình trạng của mọi sự đang tồn tại trong những ngày sau rốt. Hãy nghiên cứu cẩn thận từng câu trong chương này, vì qua những lời này, Chúa Giê-xu đang phán cùng bạn." Manuscript Releases, tập 18, 193.

Ba hội thánh đương thời trong lịch sử phong trào Miller được lặp lại trong giai đoạn cuối của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm. Joseph Bates đã nhận diện những động thái của thời kỳ Miller và xác định Sạt-đê là các “con gái của Ba-by-lôn”, là đối tượng của sứ điệp thiên sứ thứ hai. Ông đề cập đến cuộc giằng co giữa bầy nhỏ đã theo Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh vào ngày 22 tháng 10 năm 1844 và những người từ chối bước ra khỏi Nơi Thánh. Ông cố gắng kêu gọi những người Lao-đi-xê ra khỏi bóng tối mà họ đã rơi vào, và ít nhất một phần tình trạng mù lòa theo kiểu Lao-đi-xê của họ là do William Miller đã giữ vai trò lãnh đạo trong phong trào Lao-đi-xê. Đây là cùng một cuộc tranh đấu được nêu trong sứ điệp gửi cho Phi-la-đen-phi.

Này, Ta sẽ khiến những kẻ thuộc về hội đường của Sa-tan, những kẻ nói mình là người Do Thái mà không phải, nhưng nói dối; này, Ta sẽ khiến chúng đến và thờ lạy trước chân người, và biết rằng Ta đã yêu người. Khải Huyền 3:9.

Cơn khủng hoảng tôn giáo nào cũng tạo ra hai hạng người thờ phượng, như đã xảy ra trong Sự Thất Vọng Lớn. Trọng trách của Tin Lành vừa bị lấy khỏi Sạt-đê, vì họ đã trở lại với Rô-ma và chính thức trở thành con gái của Rô-ma. Rồi trọng trách ấy được Phong trào Cận Lâm Millerite nắm giữ, nhưng chẳng bao lâu một sự thử luyện sẽ tạo ra hai hạng người đều xưng là bầy nhỏ: một bầy thật và một bầy giả. Bates đại diện cho bầy nhỏ đi theo Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh. Cuộc tranh đấu của ông là với những người La-ô-đi-xê xưng mình là bầy nhỏ. Là một người Phi-la-đen-phi, cuộc tranh đấu của Bates là với hội đường của Sa-tan, một nhóm tự xưng là dân của Đức Chúa Trời, nhưng nói dối và không phải là người Do Thái.

Khi dụ ngôn ấy được ứng nghiệm lần cuối cùng vào lúc kết thúc của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, sẽ có một dân giao ước được chọn đã bị gạt qua vào thời kỳ tận cùng năm 1989, giống như giới lãnh đạo Do Thái đã bị gạt qua khi Đấng Christ giáng sinh, điều ấy đại diện cho thời kỳ tận cùng trong lịch sử tiên tri đó. Khi lịch sử của Đấng Christ đi đến cuộc khai hoàn tiến vào Giê-ru-sa-lem, thì lịch sử Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm của thời kỳ Millerite được làm hình bóng. Sự linh hứng nhiều lần đặt dấu mốc của thập tự giá song song với Sự Thất Vọng Lớn năm 1844. Giu-đa đại diện cho những người La-ô-đi-xê trong lịch sử của Đấng Christ, và các sứ đồ là những người Phi-la-đen-phi. Trong ba năm rưỡi sau thập tự giá, những người Phi-la-đen-phi, được đại diện bởi Bates, đã cố gắng kêu gọi những người La-ô-đi-xê ra khỏi một hội thánh sa ngã, hội thánh ấy được đại diện bởi môn đồ Giu-đa Ích-ca-ri-ôt.

Năm 1989, dân giao ước được chọn trước kia đã khước từ ánh sáng đã được mở án và bị bỏ qua. Khi sự thất vọng thứ nhất vào ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến, quá trình thử thách bắt đầu giữa những người trước kia dường như thuộc cùng một phong trào. Tuy vậy, một hạng là Laodicê và hạng kia là Philadelphi. Cũng như Giuđa đã ba lần thỏa thuận với Thượng Hội đồng Do Thái để phản bội Đấng Christ trước thập tự giá, những người Laodicê trong lịch sử sau ngày 11 tháng 9 năm 2001 sẽ bỏ lỡ ba cơ hội ăn năn. Khi luật ngày Chủ nhật sắp đến, điều ấy sẽ được bày tỏ chắc chắn như việc Giuđa treo cổ trên cây, rằng những người Laodicê tách biệt khỏi những người Philadelphi. Chính vào mùa gặt mà cỏ lùng được tách khỏi lúa mì. Chúng ta đang nhanh chóng tiến gần đến mùa gặt ấy.

Những chân lý này chỉ được nhận ra khi và chỉ khi chúng ta sẵn lòng hiểu rằng phương pháp luận Kinh Thánh duy nhất có thể khám phá và xác lập 'chân lý' là "chủ nghĩa lịch sử". Phương pháp đúng không phải là thuyết đã ứng nghiệm, thuyết vị lai, thuyết phân kỳ, woke-ism, chuyên môn ngữ pháp hay lịch sử, hoặc bất kỳ biến thể nào của nhiều trò giả mạo của Sa-tan. Có một câu nói quen thuộc được gán cho một triết gia thế kỷ mười bảy tên Jean-Jacques Rousseau, đã được diễn đạt lại theo nhiều cách, nhưng cốt lõi của ý tưởng là: "Sai lầm có nhiều cội rễ, nhưng chân lý chỉ có một." "Chân lý" là Alpha và Omega, như một rễ ra từ đất khô.

Cũng vậy đối với Kinh Thánh, kho tàng của sự giàu có trong ân điển Ngài. Vinh quang của những lễ thật của Kinh Thánh, cao vợi như trời và bao trùm cõi đời đời, không được nhận biết. Đối với đại đa số loài người, chính Đấng Christ là 'như rễ mọc ra từ đất khô,' và họ thấy nơi Ngài 'chẳng có vẻ đẹp nào để' họ 'ước ao Ngài.' Ê-sai 53:2. Khi Đức Chúa Jê-sus ở giữa loài người, là sự bày tỏ Đức Chúa Trời trong nhân loại, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si nói với Ngài: 'Người là người Sa-ma-ri, và bị quỷ ám.' Giảng 8:48. Ngay cả các môn đồ của Ngài cũng bị tính ích kỷ trong lòng làm mờ mắt, đến nỗi chậm hiểu Ngài, Đấng đã đến để bày tỏ cho họ tình yêu của Cha. Đó là lý do Đức Chúa Jê-sus bước đi trong cô đơn giữa loài người. Chỉ ở trên trời, Ngài mới được hiểu trọn vẹn. Suy tưởng từ Núi Phước Lành, 25.

Những chân lý mà chúng ta đang chia sẻ hiện nay phải được nhìn nhận trong bối cảnh rằng sự phát triển của chân lý mang tính tiệm tiến xuyên suốt lịch sử, và quan trọng hơn, sự hiểu biết của chúng ta về chân lý phải được đặt trong bối cảnh Alpha và Omega, bối cảnh Chúa Giê-su đồng nhất điểm kết thúc của một điều với điểm khởi đầu của điều ấy.

Hội thánh thứ tư là Thyatira, đại diện cho thời kỳ chế độ giáo hoàng cai trị như vương quốc thứ năm trong lời tiên tri Kinh Thánh, đó cũng là thời kỳ khi Hội thánh trong đồng vắng bị lưu đày. Sự lưu đày của Israel thuộc linh bởi Babylon thuộc linh trong một nghìn hai trăm sáu mươi năm được biểu trưng bởi sự lưu đày của Israel theo nghĩa đen trong Babylon theo nghĩa đen suốt bảy mươi năm.

“Hôm nay Hội thánh của Đức Chúa Trời được tự do để đưa đến chỗ hoàn tất kế hoạch thiêng liêng cho sự cứu rỗi của một nhân loại lạc mất. Suốt nhiều thế kỷ, dân của Đức Chúa Trời đã phải chịu sự hạn chế quyền tự do của mình. Việc rao giảng Tin Lành trong sự tinh tuyền của nó bị cấm đoán, và những hình phạt nghiêm khắc nhất đã giáng xuống những ai dám không vâng theo các mệnh lệnh của loài người. Hệ quả là, vườn nho đạo đức vĩ đại của Chúa hầu như hoàn toàn bị bỏ hoang. Dân chúng bị tước mất ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời. Bóng tối của sai lầm và mê tín đe dọa xóa sạch sự hiểu biết về tôn giáo chân thật. Hội thánh của Đức Chúa Trời trên đất thực sự ở trong cảnh phụ tù trong suốt thời kỳ bách hại không khoan nhượng này chẳng khác nào con cái Y-sơ-ra-ên bị giam cầm tại Ba-by-lôn trong thời kỳ lưu đày.” Prophets and Kings, 714.

Bảy mươi năm lưu đày tại Ba-by-lôn được biểu trưng bởi hội thánh Thi-a-ti-ơ. Hội thánh Thi-a-ti-ơ là hậu quả do một nguyên nhân tạo ra, mà nguyên nhân ấy được biểu trưng bởi Bệ-gã-m. Bệ-gã-m được tượng trưng bởi hoàng đế Constantine, người đã kết hợp sự thờ hình tượng với Cơ Đốc giáo. Biểu tượng của sự thờ hình tượng ấy là việc thờ phượng mặt trời. Lý do theo Kinh Thánh khiến Y-sơ-ra-ên xưa bị bắt lưu đày — tức bảy mươi năm được biểu trưng bởi

Thi-a-ti-ơ — là các vua của họ đã thiết lập quan hệ và liên minh với những dân tộc thờ hình tượng chung quanh, trực tiếp phản loạn nghịch lại Lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã nhiều lần cảnh báo Y-sơ-ra-ên không được hòa lẫn với các dân ngoại chung quanh. Mười Điều Răn — chính điều mà Y-sơ-ra-ên xưa được giao phó để gìn giữ — nghiêm cấm việc thờ lạy hình tượng. Khi Chúa đi ngang qua trước mặt Môi-se tại hang Hô-rếp và bày tỏ bản tính của Ngài, Ngài đã hai lần bao gồm chính lời cảnh báo mà chúng ta đang nói đến.

Ngài phán: Này, Ta lập một giao ước; trước mặt cả dân ngươi, Ta sẽ làm những việc lạ lùng, là những việc chưa từng có trong khắp đất cũng chẳng trong bất kỳ dân tộc nào; và tất cả dân chúng giữa vòng ngươi ở sẽ thấy công việc của Đức Giê-hô-va, vì đó là một việc đáng kính sợ mà Ta sẽ làm với ngươi. Hãy gìn giữ điều Ta truyền cho ngươi ngày nay: kìa, Ta sẽ đuổi khỏi trước mặt ngươi người A-mô-rít, người Ca-na-an, người Hê-tít, người Phê-rê-sít, người Hê-vít, và người Giê-bu-sít. Hãy cẩn thận cho chính mình, kéo ngươi lập giao ước với dân cư của đất mà ngươi đến, e nó trở thành cái bẫy giữa vòng các ngươi; nhưng các ngươi phải phá hủy các bàn thờ của họ, đập vỡ các hình tượng của họ, và chặt hạ các lùm cây thờ của họ. Vì ngươi không được thờ lạy thần nào khác; vì Đức Giê-hô-va, danh Ngài là Đấng Ghen tuông, là Đức Chúa Trời ghen tuông; kéo ngươi lập giao ước với dân cư của đất, rồi họ đi tà dâm theo các thần của họ và dâng tế lễ cho các thần của họ, rồi có người mời ngươi, và ngươi ăn của lễ của người ấy; và ngươi lấy con gái họ cho các con trai ngươi, rồi các con gái họ đi tà dâm theo các thần của họ và khiến các con trai ngươi đi tà dâm theo các thần của họ. Xuất Ê-díp-tô Ký 34:10-16.

Chỉ riêng trong đoạn này, Đức Chúa Trời đã hai lần cảnh báo Israel cổ đại, và còn nhiều lời chứng Kinh Thánh khác về mệnh lệnh ban cho Israel cổ đại rằng họ không được lập giao ước với các dân tộc thờ hình tượng xung quanh. Những sự thỏa hiệp ấy khởi đầu khi Israel cổ đại khước từ Đức Chúa Trời và chế độ thần quyền của Ngài. Khi họ muốn có một vua, Đức Chúa Trời cho phép họ có vua; và từ đó trở đi, đa số các vua—và chắc chắn mọi vua của mười chi phái miền bắc—đều coi thường chính mệnh lệnh ấy. Nguyên tắc đòi hỏi Israel phải biệt riêng và khác biệt với các dân tộc thờ hình tượng quanh họ đã bị bác bỏ, và điều ấy được minh họa bằng sự thỏa hiệp mà về sau Constantine trở thành biểu tượng. Bệ-găm và Constantine tượng trưng cho sự phản loạn của các vua Israel, những người đã đưa việc thờ hình tượng vào Hội thánh của Đức Chúa Trời. Sự bội đạo khởi đầu với vua Sau-lơ là kiểu mẫu cho sự bội đạo của Hội thánh Cơ Đốc dẫn đến cảnh phụ tù trong Ba-by-lôn thuộc linh. Lịch sử thánh bắt đầu từ vua Sau-lơ cho đến kỳ phụ tù tại Ba-by-lôn được tượng trưng bởi Hội thánh Bệ-găm. Thời kỳ phụ tù bảy mươi năm kế tiếp được tượng trưng bởi Hội thánh Thi-a-ti-ơ.

Ê-phê-sô tượng trưng cho Hội Thánh tiến ra chinh phục Đất Hứa. Ê-phê-sô tượng trưng cho thời Môi-se và sự giải phóng Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ Ai Cập.

Kinh Thánh đã tích lũy và gom góp các kho tàng của mình lại cho thế hệ sau rốt này. Mọi biến cố trọng đại và những sự việc trang nghiêm trong lịch sử Cựu Ước đã và đang tái diễn trong hội thánh trong những ngày sau rốt này. Selected Messages, quyển 3, 338, 339.

Lịch sử được minh họa bằng cuộc giải cứu khỏi Ai Cập được lặp lại trong những ngày sau rốt. Vì thế, nó cũng được lặp lại trong lịch sử của phong trào Millerite. Đó là lý do Bà White nhiều lần

viện dẫn lịch sử ấy để mô tả lịch sử của phong trào Millerite. Bà đặt Đại Thất Vọng năm 1844 song song với nỗi thất vọng của người Hê-bơ-rơ khi họ đứng trước Biển Đỏ, trong khi đạo quân của Pha-ra-ôn đang tiến đến từ phía sau. Bà cũng liên hệ lịch sử giải cứu khỏi Ai Cập với thời của Đấng Christ; vì vậy, nỗi thất vọng của các môn đồ tại thập giá đã được làm hình bóng bởi nỗi thất vọng tại Biển Đỏ, và điều này cũng làm hình bóng cho Đại Thất Vọng năm 1844. Nỗi thất vọng tại thập giá tượng trưng cho sự khởi đầu của Hội thánh Ê-phê-sô. Thời Môi-se ở buổi đầu của Y-sơ-ra-ên cổ đại được đại diện bởi Hội thánh Ê-phê-sô; điều này cũng là hình bóng cho sự khởi đầu của Y-sơ-ra-ên hiện đại vào thời Đấng Christ. Cả hai lịch sử đều được đại diện bởi Hội thánh Ê-phê-sô. Những lẽ thật chúng ta đang xác định ở đây đã nhiều lần được trình bày công khai qua các năm bởi Future for America, nên tôi chỉ cung cấp một bản tóm lược.

Trong lịch sử của Đấng Christ, chúng ta thấy sự khởi đầu của dân giao ước mới đang được gây dựng lên, trong khi dân được chọn theo giao ước trước đang bị bỏ qua. Lịch sử của Đấng Christ là sự kết thúc của Israel cổ đại, và trong lịch sử cuộc giải cứu khỏi Ai Cập vào buổi đầu của Israel cổ đại đã có một dân giao ước được chọn trước đó bị bỏ qua để nhường chỗ cho một dân giao ước mới.

Trong lịch sử của Đấng Christ, dân được chọn trước kia đã đi đến hồi kết vào năm 70 với sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem. Ban đầu, vào thời Môi-se, dân được chọn trước kia đã chết trong đồng hoang trong suốt bốn mươi năm, và Giô-suê cùng Ca-lép trở thành những đại diện của dân được chọn mới, những người được định để mang sứ điệp đến Đất Hứa, cũng như các sứ đồ trong thời kỳ hội thánh Ê-phê-sô đã mang phúc âm đến thế giới.

Cả khởi đầu và kết thúc của Israel cổ đại, cũng như khởi đầu của Israel hiện đại, đều chỉ ra một sự chuyển tiếp từ dân được chọn trước kia sang dân được chọn mới. Theo lời chứng của hai hay ba người, một việc được xác lập; và mỗi trong ba dòng lời chứng này xác định việc ly hôn với dân được chọn trước đó, và các lời chứng ấy mang dấu ấn của Alpha và Omega, Đấng công bố sự cuối cùng ngay từ ban đầu. Sẽ có một dân được chọn trước kia bị bỏ qua khi Đức Chúa Trời lập giao ước với một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Đức Chúa Trời không phải là tác giả của sự rối loạn; Ngài chẳng hề thay đổi và lời Ngài không bao giờ thất bại.

Sự giải cứu khỏi Ai Cập và những chiến thắng mà Đức Chúa Trời thực hiện qua Giô-suê được tượng trưng bởi Hội thánh Ê-phê-sô, nhưng Ê-phê-sô rồi sẽ đánh mất tình yêu ban đầu của mình. Khi Giô-suê yên nghỉ, một thế hệ khác dấy lên, đánh dấu thời kỳ được tượng trưng bởi S-miéc-nơ. Công việc kỳ diệu của Giô-suê trong việc chinh phục Đất Hứa chưa bao giờ được hoàn tất trọn vẹn, vì dân sự trở nên tự mãn và bỏ dở công việc đã giao cho Giô-suê. Họ đã đánh mất tình yêu ban đầu. Thời kỳ ấy kéo dài cho đến khi Y-sơ-ra-ên khước từ Đức Chúa Trời và Sa-mu-ên xúc dầu cho vua Sau-lơ, qua đó mở ra thời kỳ của Hội thánh Bết-găm.

Thông điệp đã đến với Smyrna, một hội thánh ở Tiểu Á, và cũng đến với Hội thánh Cơ Đốc nói chung, trong các thế kỷ thứ hai và thứ ba. Đó là thời kỳ khi ngoại giáo đang tiến hành cuộc chống cự cuối cùng để giành thế thượng phong trên thế giới. Cơ Đốc giáo đã lan rộng với tốc độ kỳ diệu, đến nỗi được biết đến khắp thế giới. Có người tiếp nhận đức tin nơi Đấng Christ vì tấm lòng được biến đổi, có người vì sức nặng của các lập luận được đưa ra, và lại có người

khác vì thấy sự nghiệp của ngoại giáo đang suy tàn, nên sách lược khiến họ ngã về phía hứa hẹn sẽ chiến thắng. Những điều kiện ấy làm suy yếu đời sống thuộc linh của Hội thánh. Thần khí của lời tiên tri, vốn là đặc trưng của Hội thánh thời các sứ đồ, dần dần bị mất đi. Đây là một ân tứ đưa Hội thánh được trao phó ân tứ ấy đến sự hiệp nhất trong đức tin. Khi không còn các nhà tiên tri chân thật, các giáo lý sai lạc nhanh chóng lan rộng; triết học Hy Lạp dẫn đến sự giải thích sai Kinh Thánh, và sự tự công chính của những người Pha-ri-si xưa, điều vốn thường bị Đấng Christ quở trách, lại xuất hiện giữa lòng Hội thánh. Nền tảng cho những điều ác vốn được phát triển trọn vẹn trong hai thế kỷ tiếp theo đã được đặt ra trong hai thế kỷ trước triều đại của Constantine. Trong thời kỳ này, việc tử đạo trở nên phổ biến ở nhiều nơi trong Đế quốc La Mã. Lạ lùng là thế, nhưng đó vẫn là sự thật. Đó là kết quả của mối quan hệ tồn tại giữa người Cơ Đốc và người ngoại giáo.

Trong thế giới La Mã, tôn giáo của mọi dân tộc đều được tôn trọng, nhưng người Kitô hữu không phải là một dân tộc; họ chỉ là một giáo phái của một sắc dân bị khinh miệt. Vì vậy, khi họ kiên trì lên án tôn giáo của mọi tầng lớp người, khi họ tổ chức các cuộc họp bí mật và tách biệt hoàn toàn khỏi các phong tục và tập quán của những người thân thích gần gũi nhất và bạn bè thân tình nhất, họ trở thành đối tượng bị nghi ngờ, và thường xuyên bị nhà chức trách ngoại giáo bách hại. Nhiều khi chính họ đã chuốc lấy sự bách hại, ngay cả khi trong tâm trí những người cầm quyền không hề có tinh thần đối kháng. Để minh họa cho tinh thần ấy, lịch sử ghi lại chi tiết việc xử tử Cyprian, giám mục ở Carthage. Khi bản án của ông được đọc, một tiếng kêu chung vang lên từ đám đông Kitô hữu đang lắng nghe: “Chúng ta sẽ chết cùng với ông.”

Tinh thần mà nhiều người xưng là Kitô hữu đã chấp nhận cái chết, và thậm chí còn không cần thiết khiêu khích sự thù nghịch của chính quyền, có lẽ đã góp phần lớn dẫn đến việc hoàng đế Diocletian cùng phụ tá của ông, Galerius, ban hành sắc lệnh bách hại vào năm 303 sau Công nguyên. Sắc lệnh này, về tinh thần, mang tính phổ quát và đã được thi hành với mức độ nghiêm khắc khác nhau trong mười năm. Steven Haskell, Câu chuyện về nhà tiên tri ở Patmos, 50. 51.

Mặc dù Smyrna là một trong hai hội thánh không bị Chúa quở trách, lịch sử chứng thực rằng trong số những người tử đạo trong giai đoạn ấy có những người mà động lực xuất phát từ sự thúc đẩy của con người chứ không phải từ sự thúc đẩy thiêng liêng của Đức Chúa Trời. Sách Các Quan Xét mở đầu bằng việc nêu về cái chết của Giô-suê, và trong sách có một câu được lặp lại hai lần, câu này định hình lịch sử thời các quan xét. Lần thứ hai câu đó được trích là câu cuối cùng của sách. Câu đầu của sách đánh dấu sự qua đời của Giô-suê, và câu cuối tóm tắt lịch sử.

Bấy giờ, sau khi Giô-suê qua đời, xảy ra rằng con cái Y-sơ-ra-ên thưa hỏi Đức Giê-hô-va: “Ai sẽ đi lên trước hết cho chúng tôi để giao chiến với người Ca-na-an?”... Trong những ngày ấy, Y-sơ-ra-ên không có vua; nhưng ai nấy đều làm điều mình cho là phải... Trong những ngày ấy, Y-sơ-ra-ên không có vua: ai nấy đều làm điều mình cho là phải. Các Quan Xét 1:1; 17:16; 21:25.

Như trong lịch sử của Smyrna, “cái tôi” là một chủ đề then chốt từ đầu đến cuối. Bởi vì họ không có vua, họ quyết định làm bất cứ điều gì mình muốn. Sự thiếu hướng dẫn là điều Haskell ghi nhận trong lịch sử của Smyrna, điều này được biểu hiện bằng việc không có Thần Linh của Lời Tiên Tri đang hoạt động. Trong cả hai giai đoạn lịch sử, sự thiếu hướng dẫn đã mở đường cho các quyết

định được đưa ra dựa trên động cơ riêng của mỗi người. Ephesus tượng trưng cho sự giải phóng khỏi Ai Cập. Lịch sử được ghi chép trong sách Các Quan Xét được đại diện bởi hội thánh Smyrna. Giai đoạn từ vua Sau-lơ cho đến thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn được đại diện bởi hội thánh Pergamos, và thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn được đại diện bởi hội thánh Thyatira.

Phù hợp với hiện tượng mà các nhà tiên phong đã nhận diện, có một sự phân chia bốn và ba trong các hội thánh, các ấn và các kèn, và bốn hội thánh đầu tiên trong lịch sử Israel cổ đại bắt đầu với thời kỳ nô lệ ở Ai Cập và kết thúc với thời kỳ lưu đày ở Babylon, vì Đấng Alpha và Omega luôn gắn kết sự kết thúc với sự khởi đầu. Bốn hội thánh đầu tiên trong lịch sử Israel hiện đại bắt đầu với sự lệ thuộc của người Do Thái dưới quyền thống trị của La Mã, và bốn hội thánh ấy kết thúc với sự lệ thuộc của người Do Thái thuộc linh dưới quyền thống trị của La Mã thuộc linh trong một nghìn hai trăm sáu mươi năm.

Sau Thyatira là Sardis, khởi đầu khi họ ra khỏi cuộc lưu đày Babylon mà Thyatira tượng trưng. Sardis là hội thánh có tiếng là sống, nhưng lại không sống. Sự tuyên xưng là sống của họ là đối trá. Thật thú vị, trong bảy hội thánh, chính tên Sardis là tên không có định nghĩa. Người ta đã gán các định nghĩa cho Sardis dựa trên bối cảnh lịch sử và các câu, nhưng không có định nghĩa từ nguyên cho tên này. Nó có tên, nhưng cũng như không có.

Nhưng đền thờ thứ hai đã không sánh bằng đền thờ thứ nhất về sự tráng lệ; cũng không được thánh hóa bởi những dấu hiệu hữu hình của sự hiện diện của Đức Chúa Trời như vốn thuộc về đền thờ thứ nhất. Không có sự biểu hiện của quyền năng siêu nhiên để đánh dấu lễ cung hiến của nó. Không thấy đám mây vinh hiển nào làm đầy đền thánh vừa được dựng lên. Không có lửa từ trời giáng xuống để thiêu nuốt của lễ trên bàn thờ của nó. Vinh quang Shekinah không còn ngự giữa các chê-ru-bim trong nơi chí thánh nữa; hòm giao ước, nắp thi ân và các bảng đá của chúng ước không còn được tìm thấy ở đó. Không có tiếng nào vang ra từ trời để cho thầy tế lễ tìm hỏi biết ý muốn của Đức Giê-hô-va. The Great Controversy, 24.

Sau thời kỳ lưu đày ở Babylon, họ đã xây dựng lại Giê-ru-sa-lem và đền thờ. Bây giờ họ lại có danh, vì Đức Chúa Trời đã hứa đặt Danh Ngài tại Giê-ru-sa-lem. Nhưng Danh Ngài đại diện cho bản tính của Ngài, và sự thiếu vắng sự hiện diện cá vị của Ngài cho thấy rằng họ có danh đại diện cho sự sống, nhưng thực ra họ không còn có sự hiện diện ban sự sống nữa. Tất cả những gì họ thật sự có chỉ là lời xưng nhận và sự giả hình.

Tiếng nói cuối cùng ở Sardis đã hứa rằng sẽ có một Ê-li đến trước ngày lớn và đáng sợ của Chúa. Đối với Israel cổ đại, sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem chính là ngày lớn và đáng sợ của Chúa. Vì lý do này, Bà White xem sự tàn phá Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Công Nguyên như một minh họa cho ngày lớn và đáng sợ của Chúa, được biểu trưng bằng bảy tai vạ sau rốt. Hội thánh Phi-la-đen-phi bắt đầu với tiếng của Giăng Báp-tít kêu trong đồng vắng, qua đó tiêu biểu cho tiếng nói của William Miller. Tiếng nói của Giăng Báp-tít và William Miller đã rao truyền sứ điệp Lao-đi-xê cho một dân chúng nghĩ rằng mọi sự đều ổn thỏa, trong khi thực ra mọi sự đều sai trật. Cả Giăng Báp-tít lẫn William Miller đều đã đặt riu vào gốc cây. Sứ điệp gửi cho Sardis là rằng có "một vài người, ngay cả tại Sardis, chưa làm ô ướ áo xống mình; họ sẽ đi với Ta trong áo trắng, vì họ xứng đáng." Giăng Báp-tít và William Miller đại diện cho những người ra khỏi thời kỳ Sardis và xứng đáng bước đi với Đấng Christ.

Hàng ngàn người đã được dẫn dắt để chấp nhận lẽ thật mà William Miller rao giảng, và các đầy tớ của Đức Chúa Trời đã được đẩy lên trong linh và quyền năng của Ê-li để công bố sứ điệp. Giống như Giảng, người đi trước dọn đường cho Đức Chúa Jê-sus, những người rao giảng sứ điệp trang nghiêm này cảm thấy bị thôi thúc phải đặt rìu vào gốc cây và kêu gọi người ta kết quả xứng đáng với sự ăn năn. Lời chứng của họ nhằm đánh thức và tác động mạnh mẽ đến các hội thánh, và bày tỏ bản chất thật của họ. Và khi lời cảnh cáo nghiêm trọng phải chạy trốn con thịnh nộ sắp đến được vang ra, nhiều người vốn hiệp với các hội thánh đã tiếp nhận sứ điệp chữa lành; họ thấy sự sa sút của mình, và với những giọt nước mắt ăn năn cay đắng cùng nỗi thống khổ sâu xa trong linh hồn, họ hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời. Và khi Thần của Đức Chúa Trời ngự trên họ, họ góp phần vang lên tiếng kêu: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời và tôn vinh Ngài; vì giờ phán xét của Ngài đã đến." Early Writings, 233.

Bảy hội thánh trong sách Khải Huyền đại diện cho lịch sử của các sứ đồ cho đến khi Đấng Christ tái lâm, và bảy hội thánh cũng đại diện cho lịch sử của Israel cổ đại từ tiên tri Môi-se cho đến khi Đấng Christ đến lần thứ nhất.

Những thử thách của con cái Israel, và thái độ của họ ngay trước khi Đấng Christ đến lần thứ nhất, minh họa tình trạng của dân sự Đức Chúa Trời trong kinh nghiệm họ trải qua trước khi Đấng Christ đến lần thứ hai.

Các cạm bẫy của Sa-tan được giăng ra cho chúng ta chắc chắn như chúng đã được giăng ra cho con cái Israel ngay trước khi họ vào đất Ca-na-an. Chúng ta đang lặp lại lịch sử của dân ấy.

Lịch sử của họ nên là một lời cảnh tỉnh nghiêm túc cho chúng ta. Chúng ta đừng bao giờ mong rằng khi Chúa có ánh sáng cho dân Ngài, Sa-tan sẽ đứng yên bình thản và không cố gắng ngăn cản họ tiếp nhận nó. Hãy cẩn thận kéo chúng ta từ chối ánh sáng Đức Chúa Trời sai đến, chỉ vì nó không đến theo cách làm vừa lòng chúng ta. ... Nếu có ai tự mình không nhìn thấy và chấp nhận ánh sáng, thì chớ ngăn cản những người khác.

"Ta gọi trời và đất làm chứng chống lại các ngươi hôm nay rằng ta đã đặt trước mặt các ngươi sự sống và sự chết, phước lành và sự rủa sả; vậy hãy chọn sự sống, để cả ngươi và con cháu ngươi được sống; để ngươi yêu mến Chúa, Đức Chúa Trời của ngươi, vâng theo tiếng Ngài và gắn bó với Ngài; vì Ngài là sự sống của ngươi và là Đấng làm cho những ngày đời ngươi được dài lâu; để ngươi được ở trong xứ mà Chúa đã thề cùng các tổ phụ ngươi, Abraham, Isaac và Jacob, rằng sẽ ban cho họ."

Bài ca này không mang tính lịch sử mà mang tính tiên tri. Trong khi thuật lại những việc làm kỳ diệu của Đức Chúa Trời đối với dân sự Ngài trong quá khứ, nó cũng báo trước những sự kiện trọng đại trong tương lai, chiến thắng cuối cùng của những người trung tín khi Đấng Christ trở lại lần thứ hai trong quyền năng và vinh quang.

Sứ đồ Phao-lô nói rõ rằng những kinh nghiệm của dân Israel trong hành trình của họ đã được ghi chép lại vì lợi ích của những người đang sống trong thời đại này của thế giới, tức những người ở vào thời kỳ tận cùng của thế giới. Chúng ta không cho rằng các mối nguy của mình ít hơn của người Hê-bơ-ơ, mà còn lớn hơn. Đời Sống Lành Mạnh, 280, 281.

Sự giải cứu khỏi Ai Cập được tượng trưng bởi Hội thánh Ê-phê-sô, và biểu tượng của Hội thánh Ê-phê-sô trong câu chuyện lịch sử ấy là Giô-suê. Sau khi những người mà Đức Chúa Trời đã đem ra khỏi Ai Cập thất bại trong mười lần thử thách liên tiếp, Chúa đã rút lại giao ước khỏi những kẻ phản nghịch và trao cho Giô-suê và Ca-lép.

Hãy nói cùng họ rằng: Ta lấy sự Ta hằng sống mà thề, Đức Giê-hô-va phán: như các ngươi đã nói vào tai Ta, Ta sẽ làm cho các ngươi như vậy: Thây các ngươi sẽ ngã trong đồng vắng này; và hết thảy những người trong các ngươi đã bị điểm số, theo toàn số của các ngươi, từ hai mươi tuổi trở lên, là những kẻ đã lâm bâm nghịch cùng Ta, chắc chắn các ngươi sẽ chẳng vào xứ mà Ta đã thề cho các ngươi được ở trong đó, ngoại trừ Ca-lép, con trai Giê-phu-nê, và Giô-suê, con trai Nun. Dân-số Ký 14:28-30.

Bà White nhận định rằng Giô-suê và Ca-lép đại diện cho những người “trên họ đã đến thời kỳ tận cùng của thế gian”, là những người “lập giao ước với Đức Chúa Trời bằng của lễ hy sinh”.

Lịch sử này đã được ghi lại để răn dạy chúng ta, những người mà sự tận cùng của thế gian đã đến. Biết bao lần dân sự của Đức Chúa Trời ngày nay lập lại kinh nghiệm của con cái Israel! Biết bao lần họ cầu nhau và phàn nàn! Biết bao lần họ lùi bước khi Chúa bảo họ tiến lên! Công cuộc của Đức Chúa Trời đang chịu tổn hại vì thiếu những người như Caleb và Joshua, những người trung tín và có lòng tin không lay chuyển. Đức Chúa Trời kêu gọi những người hiến dâng chính mình cho Ngài để được thấm nhuần Thánh Linh của Ngài. Công cuộc của Đấng Christ và của nhân loại đòi hỏi những con người đã được thánh hóa, biết hy sinh bản thân, những người sẽ ra ngoài trại, mang lấy sự sỉ nhục. Nguyên họ là những người mạnh mẽ, dũng cảm, thích hợp cho những công việc xứng đáng, và nguyên họ lập giao ước với Đức Chúa Trời bằng sự hy sinh. Review and Herald, ngày 20 tháng 5, 1902.

Giao ước được làm mới, như được tượng trưng qua việc giao ước được làm mới với Giô-suê và Ca-lép, là giao ước với một trăm bốn mươi bốn nghìn và đoàn người rất đông. Nó được làm mới sau khi dân được chọn theo giao ước ban đầu bị Đức Chúa Trời rầy bỏ và bị định phải chết trong đồng vắng. Giao ước với một trăm bốn mươi bốn nghìn được thực hiện ngay trong cùng thời kỳ lịch sử khi một dân được chọn trước kia bị loại bỏ.

Ê-phê-sô có nghĩa là "đáng ao ước", và công việc mà cả Giô-suê lẫn Hội Thánh ban đầu đã hoàn thành đều "đáng ao ước". Khi Giô-suê dẫn dân của Đức Chúa Trời vào Đất Hứa, ông đi ra chinh phục. Ấn thứ nhất tương ứng với Hội Thánh Ê-phê-sô và được tượng trưng bởi một con ngựa trắng đi ra chinh phục. Điều này đúng với Giô-suê và với Hội Thánh thời các sứ đồ. Ấn thứ nhất tương ứng với Hội Thánh Ê-phê-sô trong cả Y-sơ-ra-ên thời xưa lẫn thời nay.

Smyrna bắt nguồn từ từ "myrrh", là một loại dầu được dùng để ướp xác người chết. Ấn thứ hai được tượng trưng bởi một con ngựa đỏ, được ban "một thanh gươm lớn" và "quyền" để lấy "sự bình an khỏi đất", nghĩa là con người trong giai đoạn lịch sử ấy sẽ "giết hại lẫn nhau." Ấn thứ hai song hành với hội thánh Smyrna và biểu thị thẩm quyền được ban cho kẻ thù của Đức Chúa Trời, cho phép họ thắng hơn và giết hại dân của Đức Chúa Trời. Điều này đã được ứng nghiệm trong giai đoạn sau hội thánh sứ đồ và cũng trong lịch sử thời Các Thẩm Phán. Trong cả hai lịch sử ấy, Đức Chúa Trời cho phép các quyền lực bên ngoài dân Ngài đem chiến tranh và sự chết đến trên

dân Ngài. Trong hội thánh sứ đồ, cuộc chiến ấy được thúc đẩy bởi sự khước từ đạo của Đấng Christ, vốn trong giai đoạn trước đó, tức Ephesus, đã bất khả chiến bại khi mang Phúc Âm đến cho thế giới. Động cơ của các kẻ thù nghịch dân của Đức Chúa Trời trong thời Các Thảm Phán được đặt trên giai đoạn trước đó là Ephesus, nơi Đức Chúa Trời bày tỏ quyền năng của Ngài trên Ai Cập và các dân kế tiếp mà Joshua đã được dùng để chinh phục. Ấn thứ hai song hành với hội thánh Smyrna trong cả Israel cổ xưa lẫn Israel hiện đại.

Pergamos có nghĩa là một "thành trì kiên cố", do đó tượng trưng cho một lâu đài của một vị vua. Ấn thứ ba song hành với Pergamos và đại diện cho thời kỳ lịch sử khi sự phán xét của con người được các vua chúa trên đất thi hành, đối nghịch với sự phán xét của Đức Chúa Trời. Vì vậy, việc đo lường, hay sự phán xét được biểu thị bởi "hai" cái cân dùng để cân "lúa mì", "lúa mạch", "dầu" và "rượu", chỉ ra thẩm quyền hoàng gia của con người, vốn luôn khiếm khuyết so với sự phán xét của Đức Chúa Trời. Hãy nhớ rằng đo lường trung thực hay cân đo trung thực không cần đến hai cái cân. Hai cái cân tượng trưng cho sự phán xét không công bằng.

"Lúa mạch" là biểu tượng cho của lễ "trái đầu mùa" của Lễ Vượt Qua, còn "lúa mì" là biểu tượng cho của lễ "hai ổ bánh dâng vầy" của Lễ Ngũ Tuần. "Dầu" là biểu tượng của Đức Thánh Linh và "rượu" là biểu tượng của giáo lý. Pergamos trong thời Israel cổ đại là thời kỳ các vua Israel thỏa hiệp, những người đã khiến hệ thống thờ phượng của Đức Chúa Trời—được biểu trưng bởi khoảng thời gian từ Lễ Vượt Qua đến mùa Lễ Ngũ Tuần—phải chịu sự phán xét. Những lễ thật của Lời Đức Chúa Trời được biểu trưng bởi "rượu" và "dầu." Cả trong Israel cổ đại lẫn Israel hiện đại, hội thánh Pergamos là thời kỳ Sa-tan tìm cách thực hiện điều hấn không làm được bằng sự đổ máu trong lịch sử được Smyrna biểu trưng. Trong Pergamos, Sa-tan tìm cách hủy diệt dân sự của Đức Chúa Trời và lễ thật của Ngài bằng sự thỏa hiệp, chứ không phải bằng sự đổ máu như ở Smyrna. Sự thỏa hiệp của các vua Israel cổ đại là hình bóng cho sự thỏa hiệp của Constantine trong Israel hiện đại.

Thyatira có nghĩa là "sự hy sinh của lòng thống hối" và nói đến tinh thần tử đạo mà Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài, những người vì danh Ngài mà bị giết. Sự hy sinh của lòng thống hối tượng trưng cho sự sẵn lòng phục vụ Đấng Christ trong những hoàn cảnh khắc nghiệt, như được thấy nơi Đa-ni-ên, Sê-đơ-rắc, Mê-sác và A-bết-Nê-gô trong thời kỳ lưu đày bảy mươi năm; đồng thời cũng tượng trưng cho sự hy sinh của các Waldensians, các Huguenots và những người khác đã bị tra tấn, cầm tù, vu khống và sát hại bởi quyền lực giáo hoàng trong suốt lịch sử một nghìn hai trăm sáu mươi năm. Ấn thứ tư song hành với Hội Thánh Thyatira và tượng trưng cho sự bắt bớ của Ba-by-lôn cổ đối với Y-so-ra-ên cổ, cũng như sự bắt bớ của Ba-by-lôn hiện đại đối với Y-so-ra-ên hiện đại. Lịch sử của cả hai cuộc lưu đày trước hết đều đòi hỏi một sự sa ngã khỏi lễ thật, điều mà các vua của Y-so-ra-ên và hoàng đế Constantine đã gây nên. Cả hai đều dọn đường cho một thời kỳ được biểu trưng bởi Thyatira.

Sardis không có ý nghĩa phù hợp với danh xưng mà nó tuyên xưng; lời tuyên xưng ấy là dối trá. Sự hiện diện của Shekinah chưa từng tỏ hiện trong Đền thờ thứ hai. Sự hiện diện của Đấng Christ chưa từng tỏ hiện trong lịch sử của Sardis. Cuộc cải cách của Thời kỳ Tăm Tối về cơ bản chỉ là một chuỗi "tiên một bước, lùi hai bước". Công việc mà lịch sử của Sardis lẽ ra phải thực hiện trong Cuộc Cải chánh Tin Lành đã không bao giờ được hoàn tất.

Philadelphia nghĩa là tình yêu huynh đệ và bạn không thể yêu thương anh em mình nếu trước hết bạn không yêu mến Thiên Chúa.

Nếu một người nói: Tôi yêu Đức Chúa Trời, nhưng lại ghét anh em mình, thì người ấy là kẻ nói dối; vì ai không yêu người anh em mà mình đã thấy thì làm sao có thể yêu Đức Chúa Trời mà mình chưa thấy? Và điều răn này chúng ta nhận từ Ngài: Ai yêu Đức Chúa Trời thì cũng phải yêu anh em mình. 1 Giăng 4:20, 21.

Philadelphia tượng trưng cho hội thánh yêu mến Đức Chúa Trời, và vì lý do này nên không có lời lên án hay quả trách nào nhằm vào Philadelphia.

Hãy viết cho thiên sứ của Hội thánh tại Philadelphia: Đây là lời của Đấng Thánh, Đấng Chân Thật, Đấng cầm chìa khóa của Đa-vít, Đấng mở thì không ai đóng được; đóng thì không ai mở được: Ta biết việc làm của ngươi; kia, Ta đã đặt trước mặt ngươi một cửa mở, không ai có thể đóng lại; vì ngươi có ít sức lực, ngươi đã giữ lời Ta và không chối bỏ danh Ta. Kia, Ta sẽ khiến những kẻ thuộc về hội đường của Sa-tan, những kẻ nói rằng mình là người Do Thái mà không phải, nhưng nói dối; kia, Ta sẽ bắt chúng đến sấp mình thờ lạy trước chân ngươi và biết rằng Ta đã yêu ngươi. Vì ngươi đã giữ lời nhắn nài của Ta, Ta cũng sẽ gìn giữ ngươi khỏi giờ thử thách sắp đến trên khắp thế gian, để thử những kẻ ở trên đất. Kia, Ta đến mau chóng; hãy giữ chặt điều ngươi có, để không ai cướp lấy mã triều thiên của ngươi. Kẻ nào thắng, Ta sẽ làm cho người ấy thành trụ cột trong đền thờ của Đức Chúa Trời Ta, và người ấy sẽ chẳng ra khỏi đó nữa; Ta sẽ viết trên người ấy danh của Đức Chúa Trời Ta, và danh của thành Đức Chúa Trời Ta, là Giê-ru-sa-lem mới, từ trời, từ Đức Chúa Trời Ta mà xuống; và Ta sẽ viết trên người ấy danh mới của Ta. Khải Huyền 3:7-12.

Phi-la-đen-phi được ban “chìa khóa của Đa-vít”, và trong lịch sử Phi-la-đen-phi của Y-sơ-ra-ên cổ đại họ đã được ban Con của Đa-vít, điều này, ngoài những điều khác, đại diện cho nguyên tắc tiên tri Anpha và Ômêga, Đầu Tiên và Cuối Cùng. Chìa khóa ấy đại diện cho phương pháp luận “lịch sử luận”. Trong giai đoạn được Hội thánh Phi-la-đen-phi đại diện vào cuối thời Y-sơ-ra-ên cổ đại, chính Tác giả của lời tiên tri Kinh Thánh là chìa khóa. Trong giai đoạn được Hội thánh Phi-la-đen-phi đại diện trong lịch sử Millerite, William Miller đã được ban chìa khóa. Trong hai lịch sử ấy, Đấng Christ đối diện với những người Do Thái nghĩ họ là con cháu Áp-ra-ham, nhưng họ không phải. Miller đối diện với những người Tin Lành nghĩ họ là người Do Thái thuộc linh, nhưng không phải.

Ai có tai, hãy nghe điều Thánh Linh phán cùng các Hội Thánh. Khải Huyền 3:13.

La-ô-đi-xê có nghĩa là một dân bị phán xét, và những người La-ô-đi-xê, tức người Do Thái trong thời kỳ của Đấng Christ, đã bị phán xét tối hậu vào năm 70 sau Công Nguyên khi Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt. Sự phán xét tối hậu đối với giới Tin Lành bội đạo diễn ra trong cuộc khủng hoảng luật ngày Chủ nhật, nhưng họ đã gặp sự phán xét khi khước từ sứ điệp của thiên sứ thứ nhất vào mùa xuân năm 1844, và khi ấy bị Đức Chúa Trời tuyên bố là các con gái của Ba-by-lôn. Những người Tin Lành sa ngã ấy tiêu biểu cho Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê trong những ngày cuối cùng của sự phán xét điều tra.

Đến nay, về cơ bản chúng ta đã xem xét một số cách khác nhau theo đó bảy hội thánh trong Sách Khải Huyền có thể được hiểu đúng như những biểu tượng tiên tri và sau đó được áp dụng một cách tiên tri. Nhưng chúng phải được hiểu và áp dụng trong khuôn khổ các quy tắc tiên tri “đã được ban cho chúng ta bởi thẩm quyền cao nhất.”

Các sứ điệp gửi cho bảy hội thánh là những sứ điệp được ban cho bảy hội thánh đang hiện hữu vào thời điểm Giảng ghi lại các sứ điệp ấy. Các sứ điệp gửi bảy hội thánh cung cấp sự chỉ dạy và lời cảnh báo cho mọi hội thánh xuyên suốt lịch sử. Các sứ điệp gửi bảy hội thánh cung cấp sự chỉ dạy và lời cảnh báo cho từng Cơ Đốc nhân xuyên suốt lịch sử. Bảy hội thánh đại diện cho lịch sử Cơ Đốc giáo từ thời các sứ đồ cho đến tận thế. Bảy hội thánh đại diện cho lịch sử của Israel cổ đại từ thời Môi-se cho đến khi Giê-ru-sa-lem bị phá hủy vào năm 70 sau Công Nguyên. Bảy hội thánh có thể được nhận diện và áp dụng bằng cách xác định sự khác biệt giữa bốn hội thánh đầu tiên và ba hội thánh cuối cùng.

Sáu cách áp dụng tiên tri khác nhau mà chúng ta đang xác định cũng được thể hiện trong bảy ấn.

Chúng tôi sẽ đề cập đến những sự thật này trong bài viết tiếp theo.